chữa lỗi thì người đó vẫn thật đáng yeu và đáng khen.	

Toán (L)

LUYỆN TẬP

A. Mục tiêu:

- Củng cố hiểu biết ban đầu về số trung bình cộng và cách tìm số trung bình cộng.
- Giải bài toán về tìm số trung bình cộng.

* Giáo dục ý thức chăm chỉ HT.

B.Đồ dùng dạy học

- HS: -Vở luyện tập toán 4 tập 1

C. Các hoạt động dạy học.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
I.Kiểm tra: Kết hợp ***II. Bài mới:*** **Bài 1**(Trang 22) Lớp 4A: 18 bạn Lớp 4B: 16 bạn Lớp 4C: 23 bạn TB mỗi lớp: ……bạn GV nhận xét và chốt kết quả đúng ĐS: 19 bạn **Bài 2**(Trang 23) - Gv chốt kết quả nhận xét 2 giờ đầu: mỗi giờ đi được 60 km 3 giờ sau: mỗi giờ đi được 55 km TB mỗi giờ: …….km - Chấm chốt kết quả bài và nhận xét. Đ số: 57 km **Bài 3**(Trang 23) Có 5 quả quýt: mỗi quả nặng 150 g Thêm 1 quả: nặng 210 g	 -Hs đọc đề nêu cách làm - HS làm vào vở BT - 1 HS lên bảng chữa bài. - Đổi vở tự kiểm tra - Nhận xét và chữa -Hs đọc đề nêu cách làm B1: Tìm 2 giờ đầu ô tô đi … B2: Tìm 3 giờ đầu ô tô đi … B3: Tìm theo YC đề. - HS làm vào vở - 1 HS lên bảng chữa bài. - Đổi vở tự kiểm tra -Hs đọc đề nêu cách làm B1: Tìm 5 quả quýt nặng g B2: Tìm 6 quả quýt nặng g

TB mỗi quả nặng: ….g - Chấm chốt kết quả bài và nhận xét. Đ số: 160 g	B3: Tìm theo YC đề. - HS làm vào vở - 1 HS lên bả ng chữa bài. - Đổi vở tự kiểm tra

C. Củng cố dặn dò.

1. Củng cố: hệ thống bài. Nhận xét giờ học
2. Dặn dò: - Về nhà ôn lại bài.

Tiếng Việt (L)

LUYỆN TẬP

A. Mục tiêu:

-Củng cố thêm vốn từ ngữ thuộc chủ đề: Trung thực- Tự trọng.

-Nắm được nghĩa và biết cách dùng các từ ngữ nói trên để đặt câu.

-Củng cố nhận biết được danh từ trong câu ,biết đặt câu với danh từ.

- Giáo dục hs yêu môn học.

B. Chuẩn bị - Vở Luyện tập Tiếng Việt lớp 4 – tập 1

C. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động của thày	Hoạt động của trò
I. Kiểm tra bài cũ: - Nêu tác dụng củ dấu hai chấm.cho VD và phân tích - GV nhận xét ***II. Dạy bài mới:*** 1) Giới thiệu bài 2) Hướng dẫn HS làm bài tập	 - HS nêu
Bài 1 (Trang 29): - GV nhận xét và chốt đáp án. +Trung thực: ngay thẳng thật thà. +Bộc trực: nghĩ sao nói vậy 1 cách thẳng thắn, công khai. + Tự trọng: coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình. +Tự tin: Tin vào bản thân mình. Cương nghị: cúng rắn và giàu nghị lực. Bài 2 (Trang 29): - GV NX và chốt đáp án - Từ ngữ: thẳng thắn, trong sáng	- HS lắng nghe - HS mở trang 29,30 - 1 HS đọc yêu cầu của bài - HS làm bài. - HS chữa bài - Lớp nhận xét - 1 HS đọc yêu cầu của bài - HS làm bài. - 1 HS chữa bài- Lớp nhận xét - 1 HS đọc yêu cầu của bài

- Dòng thơ: Lòng tôi trong sáng Lời tôi thẳng thắn Lời tôi, hãy tin Bài 3 (Trang 30) GV nhận xét và chốt đáp án a/ Tia chớp, bầu trời, tiếng sét, tai, gió, cơn mưa. b/ Loan, đầu, bà, chổi, rế, rổ bát. Bài 4: (Trang 30) -GV nhận xét và chốt đáp án a/ Loan, bà b/ bầu trời, tai, đầu, chổi, rế, rổ bát. c/ Tia chớp, tiếng sét, gió, cơn mưa. **C-Củng cố dặn dò:** - Nhận xét giờ	- HS đọc bài làm. - Nhận xét - 1 HS đọc yêu cầu của bài - HS đọc bài làm. - Nhận xét

Giáo dục tập thể

TIẾT 5: SƠ KẾT TUẦN

ATGT: CHỦ ĐỀ 1: TÌM HIỂU GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

A. Mục tiêu:

- Thông qua tiết SH giúp HS thấy được mặt tiến bộ và những tồn tại cần khắc phục ở các mặt HĐ trong tuần

- Tiếp tục giúp hs nắm được những truyền thống cơ bản của nhà trường .

- Có ý thức tự rèn luyện bản thân về mọi mặt, yêu trường, yêu lớp.

-HS biết thế nào là đường quốc lộ và các phương tiện tham gia giao thông đường bộ.Từ đó có ý thức tham gia giao thông.

B.Chuẩn bị: - Tổ trưởng tổng điểm thi đua của từng cá nhân trong tổ

- 1 số biển báo giao thông phổ biến

C- Các hoạt động dạy- học:

I.Tổ chức lớp: ***II.Nội dung chính:*** ****HĐ1:*** *Sơ kết tuần:* a. Nêu mục đích yêu cầu giờ học Lớp trưởng điều khiển SHL: + YC từng tổ báo cáo tình hình hoạt động của tổ. + Lớp trưởng tập hợp ý kiến chung. Nhận xét hoạt	- Hát - Lần lượt từng tổ báo cáo theo các nội dung đã chuẩn

động của lớp, sau đó báo cáo GV. + GV nhận xét hoạt động chung của lớp, rút ra những ưu khuyết điểm chính. b. Nêu phương hướng tuần 6: - Tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục NĐ - Học bài, chuẩn bị bài trước khi đến lớp. - Tiếp tục phấn đấu thi đua dành nhiều điểm tốt dâng mẹ và cô nhân ngày 20/10. - Tiếp tục thi đua rèn chữ, giữ vở. - Chăm sóc tốt công trình măng non... ***HĐ2:** *An toàn giao thông* Chủ đề 1: Tìm hiểu giao thông đường bộ (trang 3) ***HĐ3:** *Vui văn nghệ.*	bị: Nề nếp: học tập, rèn luyện đạo đức, ý thức đội viên, truy bài… - HS lắng nghe. - HS lắng nghe. -Hát các bài hát về mái trường.

An toàn giao thông

BÀI 1: Giáo dục tập thể

TIẾT 6: SƠ KẾT TUẦN- T ATGT : CHỦ ĐỀ 1 :
BIỂN BÁO HIỆU AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ VẠCH KẺ ĐƯỜNG ĐƯỜNG

A- Mục tiêu:

- Học sinh nắm được những ưu điểm cần phát huy và những nhược điểm cần khắc phục trong tuần
- Có ý thức vươn lên trong học tập, ý thức giúp đỡ bạn cùng tiến bộ
- Giúp học sinh nắm được 12 biển báo hiệu khi tham gia giao thông và vạch kẻ trên đường.
- Giáo dục học sinh có ý thức khi tham gia giao thông phải chú ý biển báo .

B- Chuẩn bị: - Tổ trưởng tổng điểm thi đua của từng cá nhân trong tổ

C- Các hoạt động và dạy

I.Tổ chức II.Kiểm tra: Sự chuẩn bị của các tổ trưởng **III.Tiến hành:** a. Nêu mục đích yêu cầu giờ học - Yêu cầu các tổ trưởng đọc nội dung theo dõi thi đua - Giáo viên chốt lại phần kiểm điểm nổi bật, những vấn đề quan tâm + Đạo đức…….. + Học tập: ……. + Lao động vệ sinh : - GVCN nhắc nhở chung: + Các em phải cố gắng hơn nữa + Nề nếp: ……. + Học tập :……. + Vệ sinh :……. b. Đề ra phương hướng biên pháp tuần 7 và tháng 10 - Thi đua dành nhiều điểm tối chào mừng 20/10 - Duy trì tốt nề nếp học tập - Giúp đỡ bạn yếu - Tiếp tục rèn chữ giữ vở -Tích cực tham ra phong trào nuôi lợn nhựa và cho lợn ăn vào thứ 6 hàng tuần c.Vui văn nghệ **III. ATGT: Chủ đề 1:Biển báo hiệu ATGT và vạch kẻ đường đường Bài tập 1,2** **IV: Củng cố dặn dò:**	- Hát - Lấy sổ theo dõi thi đua của tổ mình - Lắng nghe - Từng tổ đọc - Cả lớp lắng nghe - Nhận xét, bổ xung ý kiến - Cả lớp lắng nghe, rút kinh nghiệm cho bản thân - Thực hiện tốt nề nếp - Vui văn nghệ - Chơi trò chơi: Bắn tên - Học - Nhắc lại các biển báo hiệu giao thông

BIỂN BÁO HIỆU GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

A.<u>Mục tiêu</u>:

1. kiến thức:

-HS biết thêm nội dung 12 biển báo giao thông phổ biến.

-HS hiểu ý nghĩa , tác dụng, tầm quan trọng của biển báo hiệu giao thông.

2.Kĩ năng:

-HS nhận biết nội dung của các biển báo hiệu ở gần khu vực trường học, gần nhà

3. Thái độ:

- Khi đi đường có ý thức chú ý đến biển báo.

B. Chuẩn bị:GV: các biển báo

C. Hoạt động dạy học.

Hoạt động dạy	Hoạt động học
I. Giới thiệu bài:	
II. Bài mới:	
1.Hoạt động 1: Ôn tập và GT bài mới.	
-GV: Để điều khiển người và các phương tiện giao thông đi trên đường được an toàn, trên các đường phố người ta đặt các biển báo hiệu giao thông.	HS theo dõi
-GV y/c 2 hs lên bảng.	-2 HS lên bảng và yêu câù HS dán bản vẽ về biển báo hiệu mà em đã nhìn thấy cho cả lớp xem, nói tên biển báo đó và em đã nhìn thấy ở đâu.
-GV hỏi cả lớp xem các em đã nhìn thấy biển báo hiệu đó chưa và có biết ý nghĩa của báo đó không.	
2.Hoạt động 2: TH ND biển báo mới.	
GVGT biển báo mới : biển số 11a, 122	
Hỏi: Em hãy nhận xét hình dáng, màu sắc, hình vẽ của biển báo.	-Hình tròn +Màu nền trắng,viền màu đỏ. + Hình vẽ màu đen.
-B báo này thuộc nhóm biển báo nào?	-Biển báo cấm
-Căn cứ hình vẽ bên trong em có thể hiểu nội dung cấm của biển là gì?	- HS trả lời: *Biển số 110a. biển này có đặc điểm: Hình tròn Màu: nền trắng, viền màu đỏ. Hình vẽ: chiếc xe đạp. +Chỉ điều cấm: Cấm xe đạp
-GV hỏi như trên với các biển báo 208, 209, 233 , biển 301(a,b,d, e)	* Biển số 122: có hình 8 cạnh đều nhau, có chữ STOP . ý nghĩa dừng lại. +Biển 20, BH giao nhau với đg ưu tiên +Biển 209,BH nơi nhau có tín hiệu đèn. +Biển 233 , BH có nguy hiểm khác +Biển 301(a,b,d,e), Hướng phải theo. +Biển 303, Giao nhau chạy vòng xuyến. +Biển 304, Đường dành cho xe thô sơ +Biển 305, biển dành cho người đi bộ.
3.Hoạt động 3: Trò chơi.	
-GV chia lớp thành 5 nhóm. GV treo 23 biển báo hiệu lên bảng. HD cách chơi: -Sau một phút mỗi nhóm một em lên gắn tên biển, gắn xong về chỗ, em thứ hai lên gắn tiếp tên của biển khác, lần lượt đến hết.	Các nhóm chơi trò chơi.
-GV tổng kết , biểu dương nhóm chơi tốt nhất và đúng nhất.	
III. Củng cố	
-GV cùng HS hệ thống bài	
-GV dặn dò, nhận xét	

Tiếng Việt (L)
LUYỆN TẬP

A. Mục tiêu:

- Củng cố, hệ thống hoá cho HS từ ngữ về chủ đề: Trung thực – Tự trọng

- Củng cố về danh từ
- HS hiểu một số thành ngữ, tục ngữ.

B. Chuẩn bị

Từ điển, phiếu

C. Các hoạt động dạy học.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Ổn định: 2. Bài mới: a, Giới thiệu bài b, Hướng dẫn HS làm bài tập	
Bài 1 Nối từ đúng với cách giải nghĩa từ 1.Trung thực a) Nghĩ sao nói vậy một cách thẳng thắn, công khai. 2.Bộc trực b) Ngay thẳng và thật thà 3.Tự trọng c) Tin vào bản thân mình 4.Tự tin d) Coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình 5.Cương nghị e) Cứng rắn và gidàu nghị lực - Cho HS nêu miệng. - Nhận xét và kết luận	- HS làm miệng - Kết quả: 1 – a 2 - b 3 – d 4 – c 5 – d
Bài 2: Gạch dưới danh từ trong những câu sau: a) Một tia chớp rạch ngang bầu trời. Một tiếng sét đinh tai vang lên. Gió thổi mạnh hơn. Cơn mưa từ xa ào ạt đến. b) Loan nhìn vào đâu, sờ vào cái gì cũng thấy thiếu bà. Đến cái chổi, cái dế, cái nồi, rổ bát dường như cũng nhớ bà.	- HS làm vở - Đổi vở KT - 2 học sinh lên chữa - Nhận xét và bổ sung
Bài 3: Xếp các danh từ ở bài tập 2 vào 3 nhóm: a) Danh từ chỉ người b) Danh từ chỉ vật c) Danh từ chỉ hiện tượng.	- 2 HS lên bảng chữa bài. - Nhận xét và bổ sung
Bài 4 : Thành ngữ nào dưới đây nói về tính tự trọng + Chết vinh còn hơn sống nhục. + Cây ngay không sợ chết đứng + Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ. - Cho HS làm vào vở. - Gọi HS lên bảng chữa bài. - GV chấm chữa bài. - Giải nghiã các thành ngữ đó	- Đọc đề bài - HS làm vở. - Chữa bài
3. Củng cố, dặn dò:	

- Nhận xét giờ - HDVN: VN ôn bài	- HS nêu miệng:

Tiếng Việt (LT)

LUYỆN TẬP

A- <u>Mục đích, yêu cầu</u>

- Giúp học sinh củng cố về từ qua việc vận dụng làm các bài tập.
- Củng cố về cách nhận biết danh từ.

B- <u>Đồ dùng dạy- học</u> - Bảng phụ

C- <u>Các hoạt động dạy- học</u>

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Kiểm tra bài cũ: kết hợp **2. Dạy bài mới** <u>a). Giới thiệu bài:</u> nêu MĐ-YC tiết học <u>b). Hướng dẫn làm bài tập</u> ***Bài tập 1***: *Phân các từ phức dưới đây thành 2 loại* : ***T.G.T.H*** và ***T.G.P.L*** : Bạn học, bạn hữu, bạn đường, bạn đời, anh em, anh cả, em út , chị dâu, anh rể, anh chị, - GV nhận xét và chốt lời giải đúng. ***Bài tập 2:****Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có :* ***a) T.G.T.H*** ***b) T.G.P.L*** ***c) Từ láy*** - nhỏ..... - nhỏ..... - nhỏ..... - lạnh..... - lạnh..... - lạnh..... - vui..... - vui..... - vui..... - xanh... - xanh..... - xanh..... - GV nhận xét và chốt lời giải đúng. ***Bài tập 3*** *Hãy xếp các từ sau vào 3 nhóm* : ***T.G.P.L ; T.G.T.H ; Từ láy :*** Thật thà, bạn đường, chăm chỉ, gắn bó, ngoan ngoãn, giúp đỡ, bạn học, khó khăn, học hỏi, thành thật, bao bọc, quanh co, nhỏ nhẹ GV chấm, nhận xét và chốt lời giải đúng. ***Bài tập 4:****Cho các từ sau:* Bác sĩ, nhân dân, hi vọng, thước kẻ, sấm, văn học, cái, thợ mỏ, mơ ước, xe máy, sóng thần, , chiếc, bàn ghế, gió mùa, xã, huyện, phấn khởi, tự hào, mong muốn, truyền thống, hoà bình.	- HS nêu yêu cầu của bài - HS nêu cách phân biệt ***T.G.T.H*** và ***T.G.P.L*** - HS làm phiếu . - Vài em đọc kết quả từng phấn. Đ/án: ***T.G.T.H:*** anh em ,anh chị Còn lại là ***T.G.P.L*** - HS nêu yêu cầu của bài - HS thảo luận nhóm đôi - Vài em đọc kết quả từng phấn. - HS nêu yêu cầu của bài - HS làm vở .Một hS đọc trước lớp.- lớp NX *<u>Đáp án</u> : - T.G.T.H: gắn bó, giúp đỡ, học hỏi, thành thật, bao bọc, nhỏ nhẹ. - T.G.P.L : bạn đường, bạn học. -Từ láy: thật thà, chăm chỉ, ngoan ngoãn, khó khăn, quanh co. - HS nêu yêu cầu của bài - Nghe hướng dẫn.

Xếp các từ trên vào 2 loại : DT và không phải DT - GV chấm, nhận xét và chốt lời giải đúng Không phải DT: ***phấn khởi, tự hào, mong muốn.***	- Làm bài vào vở. Một vài hS đọc trước lớp. - Lớp và GV NX.